

# TÔN TRUNG SƠN VÀ CHỦ NGHĨA TAM DÂN TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

GS, TS NGUYỄN VĂN KHÁNH

*Đại học Quốc gia Hà Nội*

Tôn Trung Sơn tức Tôn Dật Tiên (1866-1925) là một nhà dân chủ vĩ đại, một nhân vật hàng đầu trong lịch sử cận-hiện đại Trung Quốc. Năm 1905, ông đề ra chủ nghĩa Tam dân, đồng thời thành lập tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội. Ông cũng là người chuẩn bị, tổ chức và lãnh đạo cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) và trở thành người đứng đầu Nhà nước Cộng hòa Dân chủ đầu tiên của Trung Quốc. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Tôn Trung Sơn đã nhiều lần viếng thăm và trú ngụ ở Việt Nam để hoạt động, phối hợp với lực lượng Hoa kiều chuẩn bị tiến hành khởi nghĩa chống lại triều đình Mãn Thanh. Dấu ấn của các chuyến thăm, nhất là tư tưởng và các hoạt động cách mạng của ông đã có ảnh hưởng sâu đậm trong các tổ chức yêu nước cũng như trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

**Từ khóa: Tôn Trung Sơn; chủ nghĩa Tam dân; cách mạng Việt Nam; nửa đầu thế kỷ XX**

## 1. Những cuộc viếng thăm và hoạt động của Tôn Trung Sơn tại Việt Nam

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Tôn Trung Sơn đã nhiều lần đến Việt Nam, dựa vào Việt Nam và phối hợp với các lực lượng dân chủ, yêu nước tiến bộ, nhất là lực lượng Hoa kiều ở Việt Nam để chuẩn bị binh lực và tổ chức khởi nghĩa chống lại chính quyền Mãn Thanh.

Cuộc ghé thăm đầu tiên của Tôn Trung Sơn đến Việt Nam là vào ngày 21-6-1900. Lần này ông đến từ Hong Kong qua cảng Sài Gòn rồi lưu lại hơn 2 tuần, đến ngày 8-7-1900 thì rời đi Singapore<sup>1</sup>.

Trong lần viếng thăm này, Tôn Trung Sơn dự định hội kiến với Toàn quyền Pháp tại Đông Dương lúc đó là Paul Doumer. Tuy nhiên, khi ông tới Sài Gòn thì Toàn quyền Pháp ra Hà Nội<sup>2</sup>.

Mặc dù không gặp được Toàn quyền Pháp, song Tôn Trung Sơn đã thành công trong việc kết giao được với một số Hoa kiều ở Việt Nam như: Lý Trúc Sĩ, Mã Bồi Sinh, Tăng Tích Châu... Từ đây, Tôn Trung Sơn bắt đầu thiết lập mối quan hệ với lực lượng Hoa kiều và mở rộng hoạt động tuyên truyền cách mạng trong bộ phận người Hoa tại Việt Nam.

Lần thứ hai Tôn Trung Sơn đến Việt Nam để tham quan Triển lãm công nghiệp theo lời mời của Toàn quyền Đông Dương. Ông tới Hà Nội vào ngày 13-12-1902<sup>3</sup> và lưu lại đến giữa năm 1903 thì đi Nhật Bản, rồi đi Mỹ.

Lần này, Tôn Trung Sơn có ý định nhờ sự giúp đỡ của Pháp để “lấy Hà Nội làm con đường vận chuyển vũ khí vào phía Nam Trung Quốc, nhằm thực hiện mục tiêu chính

trị là lật đổ vương triều Mãn Thanh”<sup>4</sup>, nhưng bị khước từ.

Để tuyên truyền, thu phục và tập hợp lực lượng cách mạng, Tôn Trung Sơn sử dụng tên mới là Cao Đạt Sinh. Thông qua Hoàng Long Sinh, người Quảng Đông-chủ một hiệu may âu phục ở Hà Nội, Tôn Trung Sơn đã thành lập phân hội Hưng Trung Hội Hà Nội<sup>5</sup> nhằm đoàn kết và tìm kiếm sự giúp đỡ của lực lượng Hoa kiều.

Trước khi rời Việt Nam sang Mỹ, Tôn Trung Sơn từ Hà Nội vào Sài Gòn. Tại đây, ông tiếp tục kết nối với các Hoa kiều để mở rộng các mối quan hệ mới với Hoa kiều ở khu vực Sài Gòn, Chợ Lớn, đồng thời đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền cách mạng trong lực lượng này.

Lần thứ ba Tôn Trung Sơn đến Việt Nam (7-1905), trên hành trình từ châu Âu trở về Nhật Bản (nhằm liên hợp các lực lượng, tổ chức một chính đảng thống nhất có đủ sức lãnh đạo nhân dân làm cách mạng ở Trung Quốc).

Cuối năm 1905, Tôn Trung Sơn tới Việt Nam lần thứ tư, cùng đi còn có một số chiến hữu như Hồ Hán Dân, Uông Tinh Vệ. Căn cứ vào cuốn *Tự truyện*, trong thời gian này Tôn Trung Sơn đã thành lập một chi nhánh của tổ chức Đồng minh hội (gọi là cơ quan bộ) để đẩy mạnh công tác tuyên truyền và chuẩn bị công việc khởi nghĩa<sup>6</sup>. Ông lưu lại tại Sài Gòn đến đầu năm 1906 thì đến Indonesia.

Trong chuyến đi này, bên cạnh việc thành lập chi nhánh của Đồng minh hội, Tôn Trung Sơn còn vận động được sự giúp đỡ về tài chính (thông qua việc phát hành trái phiếu cách mạng Trung Hoa)<sup>7</sup> của lực lượng Hoa kiều trên đất Việt Nam.

Lần thứ năm Tôn Trung Sơn tới Việt Nam từ Singapore (8-1906). Mục đích của chuyến đi này là tiếp tục tiến hành công tác tuyên truyền và phát triển lực lượng cách mạng trong Hoa kiều ở Sài Gòn, Chợ Lớn và từng bước mở rộng ra vùng

Nam Kỳ lục tỉnh, tới cả Mỹ Tho, Sa Đéc; ở đâu ông cũng nhận được sự đón tiếp, ủng hộ của Hoa kiều. Tôn Trung Sơn rời Sài Gòn đến Nhật Bản vào ngày 9-10-1906<sup>8</sup>.

Lần cuối cùng, Tôn Trung Sơn đến Việt Nam vào ngày 4-3-1907 và lưu lại lâu nhất, khoảng hơn 1 năm. Trong lần này, tại Hà Nội, ông thành lập trụ sở của *Trung Quốc Đồng minh hội* ở số 61 đường Gambetta (nay là phố Trần Hưng Đạo). Ông còn cùng một số đồng chí xuống Hải Phòng tìm nơi cất giấu vũ khí và quân nhu<sup>9</sup>. Không lâu sau đó, dưới sự quan tâm sát sao của Tôn Trung Sơn, phân hội Đồng minh hội Hải Phòng cũng tuyên bố thành lập. Đồng thời, ông liên lạc với các nhà yêu nước Việt Nam như Hoàng Hoa Thám và các sĩ phu trong Trường Đông Kinh Nghĩa thực Hà Nội, trong đó có Nguyễn Quyền để chuẩn bị khởi nghĩa.

Vào khoảng cuối tháng 10-1907, Tôn Trung Sơn chiêu tập lực lượng và tiến đánh Trấn Nam Quan (giáp biên giới Việt Nam ở Lạng Sơn). Sau khi chiếm được Trấn Nam Quan, Tôn Trung Sơn dự định phối hợp với lực lượng nghĩa quân ở Thập Vạn Đại Sơn tiến công Khâm Châu, nhưng kế hoạch phối hợp không đạt kết quả. Cuối cùng, đội nghĩa quân của ông buộc phải rút sang Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Hoàng Hưng, lực lượng Hoa kiều yêu nước ở Việt Nam trong đội quân khởi nghĩa đã chiến đấu anh dũng. Quân khởi nghĩa đã đại phá được quân Thanh trong chiến dịch Đốc Sơn, và liên tục tấn công quân Thanh hàng tháng trời trên suốt dải đất từ Khâm Châu, Liêm Châu, Thượng Tư<sup>10</sup>.

Tôn Trung Sơn còn chỉ đạo một vài cuộc nổi dậy quy mô nhỏ ở vùng Hà Khẩu (thuộc tỉnh Vân Nam) sát biên giới Việt Nam. Cuộc khởi nghĩa thu hút nhiều Hoa kiều ở Việt Nam, trong đó có cả những người từng tham gia chiến dịch Trấn Nam Quan (10-1907). Quân khởi nghĩa thu được nhiều

thắng lợi và vũ khí, giết được viên Đốc biện biên phòng<sup>11</sup>. Về sau, do sự cấu kết giữa chính quyền Mãn Thanh và thực dân Pháp, cuộc khởi nghĩa rơi vào tình thế khó khăn về hậu cần, lương thực và cuối cùng buộc phải rút về Việt Nam.

Các hoạt động vũ trang nói trên của quân đội cách mạng Trung Quốc do Tôn Trung Sơn lãnh đạo ở dọc vùng biên giới Việt-Trung đã không chỉ trực tiếp làm lung lay nền thống trị của triều Thanh mà còn góp phần cổ vũ động viên những người yêu nước Việt Nam trong công cuộc đấu tranh chống đế quốc Pháp, giải phóng dân tộc vào hồi đầu thế kỷ XX.

Bên cạnh các hoạt động chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, trong các lần đến Việt Nam, Tôn Trung Sơn còn chủ trương dùng báo chí làm công cụ truyền bá tư tưởng cách mạng tới lực lượng Hoa kiều. Tháng 7-1907, Đồng minh hội đã xuất bản tờ *Trung hưng nhật báo* ở Sài Gòn nhằm mục đích tuyên truyền cách mạng một cách rộng rãi. Trước đó, vào năm 1906, Hoa kiều ở Việt Nam đã nhận mua hơn 3.000 đồng cổ phần báo *Trung Quốc nhật báo* ở Hong Kong<sup>12</sup> để ủng hộ Tôn Trung Sơn và cách mạng Trung Quốc. Tiếp đó, một số Hoa kiều tiến bộ ở Sài Gòn chịu ảnh hưởng của tư tưởng Tôn Trung Sơn đã thành lập tổ chức *Tuy vũ tinh hư* (túp lều tranh ẩn chứa tinh túy võ nghệ) để tuyên truyền tư tưởng cách mạng, đồng thời kêu gọi đánh đổ triều đình Mãn Thanh.

Để hỗ trợ tốt hơn cho việc truyền bá tư tưởng cách mạng, Tôn Trung Sơn còn giúp các Hoa kiều ở Việt Nam xây dựng các cơ sở hoạt động văn hóa. Dưới sự lãnh đạo của ông, Hoa kiều đã thành lập *Trường Thương nghiệp Quảng Đông* ở Hàng Buồm, Hà Nội và *Trung hưng xã* ở Sài Gòn, Chợ Lớn<sup>13</sup>.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 1900 đến năm 1908, Tôn Trung Sơn đã 6 lần đến Việt Nam, với tổng thời gian lưu trú khoảng gần 2

năm. Trong các chuyến viếng thăm đó, ông tiến hành các hoạt động tuyên truyền cách mạng, khơi dậy lòng yêu nước, vận động đồng bào Hoa kiều tham gia, ủng hộ hoạt động cách mạng trong nước (Trung Quốc). Từ những thành công bước đầu, ông đã thành lập các tổ chức đoàn kết lực lượng Hoa kiều, tiến hành các hoạt động vũ trang, lấy người Hoa và Hoa kiều bản địa làm lực lượng nòng cốt. Những hoạt động cách mạng không mệt mỏi của Tôn Trung Sơn trên đất Việt Nam đã góp phần to lớn vào thắng lợi của cuộc cách mạng Tân Hợi (1911), đồng thời tác động mạnh mẽ tới tư tưởng của các tầng lớp yêu nước ở Việt Nam.

## 2. Tôn Trung Sơn và các tổ chức yêu nước và cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỷ XX

Ảnh hưởng của tư tưởng Tôn Trung Sơn còn để lại khá đậm nét trong tư tưởng và đường lối chính trị của các tổ chức yêu nước và cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỷ XX như Việt Nam Quang phục hội (VNQPH) và Việt Nam Quốc dân Đảng (VNQDD).

*Phan Bội Châu và Việt Nam Quang phục hội.*

Phan Bội Châu (1867-1940) là một nhà yêu nước lớn và tiêu biểu của Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Ông chủ trương dùng bạo lực đánh đổ thực dân xâm lược để giành lại nền độc lập dân tộc và đưa đất nước đi theo con đường phát triển như Nhật Bản và các nước tư bản phương Tây. Để thực hiện mục tiêu đó, ông đã lần lượt thành lập tổ chức Duy Tân hội (1904) rồi VNQPH (1912). Thông qua hai tổ chức chính trị đó, tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu thể hiện bước chuyển rõ rệt từ lập trường quân chủ sang dân chủ cộng hòa. Yếu tố có tác động trực tiếp tạo nên sự chuyển biến trong tư tưởng chính trị của những tư tưởng dân chủ vĩ đại của nước Pháp và phương Tây, đặc biệt là chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Khi sang Nhật Bản (1905), Phan Bội Châu đã hai

lần gặp và bút đàm với Tôn Trung Sơn và nhận ra rằng, “Chính thể dân chủ cộng hòa là hay, là đúng”. Rồi từ đó, trong quá trình hoạt động cách mạng ở Trung Quốc và qua nhiều lần tiếp xúc với đảng viên cách mạng Trung Quốc, Phan Bội Châu ngày càng thấm nhuần tư tưởng dân chủ<sup>14</sup>.

Thắng lợi của Cách mạng Tân Hợi (1911) là một trong những yếu tố tác động trực tiếp đến sự hình thành tư tưởng dân chủ cộng hòa của Phan Bội Châu. Nhận thấy Cách mạng Tân Hợi Trung Quốc thành công là cơ hội thuận lợi cho cách mạng Việt Nam, nên cuối năm 1911, Phan Bội Châu đã viết *Liên Á số ngôn* nhằm đoàn kết, kêu gọi các nước châu Á chống đế quốc giành độc lập.

Tháng 2-1912, tại từ đường nhà Lưu Vĩnh Phúc ở tỉnh Quảng Đông, Phan Bội Châu và một số sĩ phu yêu nước Việt Nam đã quyết định thủ tiêu Duy Tân hội và thành lập VNQPH. Tôn chỉ mục đích của VNQPH là “Đánh đuổi đế quốc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam”. Về cơ cấu tổ chức và phương hướng hành động của tổ chức VNQPH cũng có nhiều điểm giống *Trung Quốc Đồng minh hội*, mặc dù ở mức độ thấp hơn<sup>15</sup>.

Với việc thành lập tổ chức VNQPH, Phan Bội Châu đã dứt khoát chuyển sang lập trường dân chủ tư sản như đường lối của Cách mạng Tân Hợi do Tôn Trung Sơn lãnh đạo<sup>16</sup>.

Về tổ chức, VNQPH gồm có 3 bộ: Bộ Tổng vụ, Bộ Bình nghị, Bộ Chấp hành. Để thực hiện chủ trương đánh đuổi giặc Pháp bằng bạo lực vũ trang, VNQPH đã thành lập đội *Quang phục quân* đặt dưới sự chỉ huy của những sĩ quan tốt nghiệp các trường Sĩ quan Bắc Kinh, Quân nhu Bắc Kinh, Cán bộ Lục quân Quảng Tây.

Trong những năm tồn tại, VNQPH đã tiến hành nhiều vụ ám sát những nhân vật chủ chốt trong chính quyền thực dân Pháp và tay sai. Đầu tiên là ám mưu ám sát Toàn quyền Albert Sarraut và

những tay sai đắc lực của chính quyền Pháp như Lê Hoan, Hoàng Trọng Phu, Nguyễn Duy Hàn... Tháng 1-1914, nhà lãnh đạo Phan Bội Châu cũng bị giới quân phiệt Trung Quốc bắt giam ở Quảng Đông cho đến đầu năm 1917 mới được thả.

Mặc dù học tập theo đường lối cách mạng dân chủ tư sản của Tôn Trung Sơn và Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc) nhưng đường lối chính trị cũng như hoạt động của VNQPH chưa mang tính triệt để. Trong Cương lĩnh chính trị của Đồng minh hội do Tôn Trung Sơn đề ra trong Cách mạng Tân Hợi là “khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc, bình quân địa quyền”, nhưng VNQPH chỉ chủ trương “đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc”, mà chưa có khẩu hiệu nhằm thu phục lực lượng đông đảo nhất lúc bấy giờ là giai cấp nông dân, vì vậy chưa tranh thủ được sự ủng hộ, tham gia của đông đảo nhân dân, trước hết là nông dân vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đây cũng là hạn chế trong tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu, đồng thời cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại của VNQPH và khuynh hướng bạo động ở Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Rõ ràng, Phan Bội Châu đã trực tiếp chịu ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản của Tôn Trung Sơn và Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc) và từ đó đã góp phần xây dựng một nội dung tư sản cho phong trào giải phóng dân tộc những năm đầu thế kỷ XX. Tư tưởng dân chủ tư sản có sức mạnh cổ vũ phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp và triều đình phong kiến, giành độc lập dân tộc và mở đường đưa đất nước phát triển theo con đường TBCN như các nước phương Tây.

#### *Tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng.*

Sau khi Tôn Trung Sơn mất, tư tưởng của ông tiếp tục có ảnh hưởng mạnh mẽ trong các tổ chức yêu nước Việt Nam, nhất là trong tổ chức VNQDD<sup>17</sup>. Tiền thân của đảng này là *Nam Đồng*

*Thư xã* mà thành viên là một số trí thức tiểu tư sản-những tín đồ của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân. Năm 1926, cuốn sách đầu tiên được biên soạn và xuất bản tại đây là cuốn *Tiểu sử và học thuyết Tôn Dật Tiên, Thủ lĩnh Đảng cách mạng Trung Hoa* của Dật Công (Phạm Tuấn Lâm) và Nhượng Tống (Hoàng Phạm Trân). *Nam Đồng Thư xã* còn dự định biên dịch và xuất bản các tác phẩm của Tôn Trung Sơn bằng tiếng Việt. Nhưng rồi sau đó, *Thư xã* bị chính quyền Pháp ra lệnh đóng cửa nên không thực hiện được.

Ngoài ra, báo *Tiếng Dân* của Huỳnh Thúc Kháng xuất bản ở Huế đã dành 54 số từ cuối tháng 11-1927 đến đầu tháng 6-1928 để đăng bản dịch tiếng Việt “*Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Văn*”.

VNQĐĐ được thành lập nhưng không có một cương lĩnh chính trị nhất quán, rõ ràng.

Theo hai yếu nhân của VNQĐĐ là Trần Huy Liệu và Phạm Tuấn Tài, thì tôn chỉ đầu tiên của đảng, ngày 25-12-1927, là “trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng”<sup>18</sup>. Còn khái niệm “chính cương”, “đảng cương” hay “chủ nghĩa” cũng chưa hề được nhắc đến trong bản dự thảo chương trình, điều lệ. Có điều, quan niệm cách mạng thế giới của các đảng viên VNQĐĐ bấy giờ không được rõ ràng lắm. Họ quan niệm cách mạng thế giới đơn giản là sau khi làm xong cách mạng quốc gia, sẽ cùng các dân tộc nhược tiểu làm cách mạng thế giới<sup>19</sup>.

Về mục đích, VNQĐĐ nêu rõ phải đánh đổ nền quân chủ chuyên chế, lập nước Việt Nam dân quốc cộng hòa, trong đó nhân dân được hưởng các quyền tự do ngôn luận, đi lại, hội họp, tự do tín ngưỡng.

Để thực hiện được mục tiêu trên, VNQĐĐ chủ trương làm cách mạng qua ba thời kỳ: *Thời kỳ thứ nhất* là phôi thai hay thời kỳ bí mật; *thời kỳ thứ hai* là dự bị bán công khai; *thời kỳ thứ ba* là thời kỳ khởi nghĩa hay thời kỳ công khai. Dựa trên các

lực lượng đã được chuẩn bị, VNQĐĐ sẽ thành lập những đoàn quân cảm tử, phối hợp với anh em binh lính Việt Nam yêu nước trong quân đội Pháp dưới sự chỉ huy của các cán bộ quân sự được đào tạo ở nước ngoài, nổi dậy ở các thành thị để giành thắng lợi<sup>20</sup>.

Cuối năm 1928, theo đề nghị của Nguyễn Khắc Nhu, VNQĐĐ đã soạn thảo bản Chương trình, Điều lệ thứ hai. Bản Điều lệ này dài và chi tiết hơn. Trong bản Điều lệ năm 1928, VNQĐĐ đã nêu chủ nghĩa của Đảng là xã hội dân chủ. Mục đích của Đảng là đoàn kết các lực lượng cả nam lẫn nữ<sup>21</sup> thực hiện nhiệm vụ:

- a. Đẩy mạnh cách mạng dân tộc.
- b. Xây dựng nền dân chủ trực tiếp.
- c. Giúp đỡ các dân tộc bị áp bức<sup>22</sup>.

Về thực chất, VNQĐĐ muốn thực hiện đường lối dùng bạo lực đánh đuổi ngoại xâm, giành độc lập dân tộc và xây dựng chế độ cộng hòa; sau đó giúp đỡ các nước thuộc địa vùng lên làm cách mạng giải phóng dân tộc.

Đến đầu năm 1929, VNQĐĐ có điều chỉnh, thay đổi tôn chỉ mục đích của mình; nhiệm vụ không thay đổi.

*Bản chương trình hành động* cuối cùng của VNQĐĐ xuất hiện trước khi nổ ra khởi nghĩa Yên Bái còn ghi rõ nguyên tắc Tự do-Bình đẳng-Bác ái của cách mạng Pháp (Liberté, Egalité, Fraternité) và mục đích của Đảng là cách mạng dân tộc; cách mạng chính trị và cách mạng xã hội<sup>23</sup>. Nhằm đạt tới mục tiêu nói trên, VNQĐĐ chủ trương tiến hành cách mạng qua bốn thời kỳ: Phôi thai (bí mật), dự bị (bán bí mật), hoạt động công khai và kiến thiết (giành chính quyền).

Cho đến thời điểm xúc tiến khởi nghĩa Yên Bái, những người lãnh đạo VNQĐĐ vẫn muốn tiếp tục thay đổi cương lĩnh, tôn chỉ của Đảng nhưng vì thời gian quá gấp gáp, nên họ đã cắt gọt chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn làm tôn chỉ mục đích

của Đảng. Chính tác giả sách *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam, tập V*, đồng thời là một trong những yếu nhân của VNQDD xác nhận: “Đến lúc này, trong khi chuẩn bị một trận đánh liều mạng, các lãnh tụ của Đảng cố nhiên không còn đủ thì giờ để thảo luận chủ nghĩa, chỉnh đốn chính cương, mà chỉ còn kịp “bung” toàn bộ chủ nghĩa Tam dân vào đảng. Từ đó chủ nghĩa Tam dân mới trở nên chủ nghĩa chính thức của Việt Nam Quốc dân Đảng”<sup>24</sup>.

Rõ ràng như đã nói ở trên, nền tảng tư tưởng của Nam Đồng Thư xã và tổ chức VNQDD dựa trên ba nguyên tắc: Tự do-Bình đẳng-Bác ái; nhưng về thực chất, nội dung của các nguyên tắc đó cũng giống như ba vấn đề cơ bản nhất của chủ nghĩa Tam dân là Dân tộc độc lập-Dân quyền tự do-Dân sinh hạnh phúc. Điều này đã được chính Tôn Trung Sơn xác nhận trong bài nói chuyện (16-3-1924): “Thời cách mạng Pháp, Khẩu hiệu của cách mạng là Tự do-Bình đẳng-Bác ái giống khẩu hiệu của cách mạng Trung Quốc ngày nay là chủ nghĩa dân tộc-chủ nghĩa dân quyền-chủ nghĩa dân sinh”<sup>25</sup>.

Nhưng nếu so sánh giữa đường lối chính trị của VNQDD với chủ nghĩa Tam dân thì thấy cũng có sự khác nhau không nhỏ. Tôn Trung Sơn chủ trương tiến hành cách mạng qua ba giai đoạn: 1/ Quân chánh: Dùng sức mạnh quân sự để san bằng các trở lực nhằm xây dựng nền tảng quốc gia; 2/ Huân chánh: Tuyên truyền, khuyến khích nhân dân bài trừ phong kiến, thành lập các hội đồng tự trị địa phương (kiểu Nghị viện); 3/ Hiến chánh: Thực hiện Ngũ quyền Hiến pháp (lập pháp, hành

pháp, tư pháp, giám sát và khảo thí)<sup>26</sup>. Để thực hiện chủ nghĩa dân tộc, ông đề ra ba nhiệm vụ: 1/ Tiến hành tuyên truyền thức tỉnh và lãnh đạo nhân dân chống lại Mãn Thanh; 2/ Thử nghiệm đấu tranh bằng con đường vũ trang khởi nghĩa; 3/ Tiến hành cuộc cách mạng của quần chúng nhằm lật đổ chính quyền Mãn Thanh<sup>27</sup>.

Trong khi đó đường lối cách mạng do VNQDD xác định là: Làm cách mạng dân tộc, xây dựng nền cộng hòa dân chủ và giúp đỡ các dân tộc bị áp bức trên thế giới làm cách mạng.

Chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn (Trung Quốc), VNQDD đã đứng trên lập trường của giai cấp tư sản dân tộc để giải quyết vấn đề dân tộc. Trong tất cả các bản điều lệ và chương trình hành động của mình, VNQDD đều tập trung vào vấn đề dân tộc, coi đấu tranh chống áp bức dân tộc và giải phóng dân tộc là yêu cầu, nhiệm vụ hàng đầu, cơ bản của Đảng. Mục đích thứ nhất trong bản điều lệ đầu tiên của VNQDD (năm 1928) là “đẩy mạnh cách mạng dân

tộc; trong bản điều lệ đã sửa đổi và Chương trình hành động VNQDD (năm 1929) là “đẩy mạnh cách mạng dân tộc, xây dựng nền cộng hòa trực tiếp, giúp đỡ các dân tộc bị áp bức”; trong Chương trình hành động của Đảng (năm 1929) v.v. thì mục đích cuối cùng của VNQDD là dùng bạo lực đánh đổ ách thống trị của đế quốc Pháp để giành độc lập dân tộc, thành lập chính phủ cộng hòa, thực hiện quyền tự do dân chủ và mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Việt Nam. Cương lĩnh chính trị của VNQDD đề cập đến thời kỳ kiến thiết, nhưng

**Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân do ông khởi xướng đã có ảnh hưởng sâu sắc đến các tổ chức yêu nước Việt Nam cũng như có tác động mạnh mẽ tới tư tưởng của các tầng lớp yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Đặc biệt là với Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh, mặc dù giữa Người và Tôn Trung Sơn không cùng ý thức hệ tư tưởng, nhưng lại “có mối đồng cảm lịch sử và thời đại sâu sắc”.**

nội dung và bước đi còn rất chung chung, như “truyền bá học vấn, giáo dục nhân dân bằng các cuộc nói chuyện công cộng, tuyên bố tự do ngôn luận”<sup>28</sup>. Hạn chế này bắt nguồn từ cơ sở xã hội non yếu của phong trào dân tộc tư sản, nói cách khác là do tình trạng bạc nhược về kinh tế, non yếu về chính trị của giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam. Dựa trên trạng thái của một giai cấp tư sản yếu đuối như vậy, VNQDD đã tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Tam dân theo cách riêng của mình.

Còn Tôn Trung Sơn trước tình trạng tinh thần nhân dân Trung Hoa bị rệu rã trước sự o ép về chính trị và sức mạnh kinh tế của phương Tây nên chủ trương phải giành lại chủ quyền quốc gia để xây dựng đất nước độc lập. Quan điểm của Tôn Trung Sơn còn nhằm đề cao và khẳng định vai trò của dân tộc Hán, để người Hán nắm giữ chính quyền<sup>29</sup>. Bởi vậy, chủ nghĩa dân tộc của Tôn Trung Sơn về thực chất là chủ nghĩa quốc tộc (Hán tộc). Trong khi đó, bản chất tư tưởng dân tộc của VNQDD là tập hợp lực lượng của dân tộc để chống đế quốc Pháp, giải phóng đất nước.

### 3. Tôn Trung Sơn-Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam

Tôn Trung Sơn và Hồ Chí Minh khi còn sống chưa một lần gặp nhau. Nhưng cuộc đời, sự nghiệp của Tôn Trung Sơn đã để lại những dấu ấn sâu sắc trong tinh cảm và tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh. Mặc dù không cùng ý thức hệ tư tưởng, nhưng giữa Tôn Trung Sơn và Hồ Chí Minh lại có mối đồng cảm lịch sử và thời đại sâu sắc.

Hồ Chí Minh nhận thấy trong tư tưởng của Tôn Trung Sơn có những điểm phù hợp với xu thế thời đại và có thể vận dụng vào hoàn cảnh của lịch sử cách mạng Việt Nam. Nhận xét về thái độ của Hồ Chí Minh đối với Tôn Trung Sơn và cách mạng Trung Quốc, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết: Trong đời hoạt động hải ngoại của

mình, “Hồ Chủ tịch ở Trung Quốc có tình cảm nồng nàn với Tôn Văn, với cách mạng và nhân dân Trung Quốc”<sup>30</sup>.

Trong nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoài chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam còn phải kể đến các tinh hoa văn hóa, tư tưởng nhân loại, mà trực tiếp và gần gũi nhất là tư tưởng dân tộc, dân chủ trong chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Hồ Chí Minh đánh giá cao tính cách mạng của chủ nghĩa Tam dân và lãnh tụ Tôn Trung Sơn. Người tiếp thu và vận dụng sáng tạo những nội dung tiến bộ của chủ nghĩa Tam dân vào điều kiện thực tế của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh nghiên cứu các phương pháp cách mạng của Tôn Trung Sơn, đặc biệt là phương pháp vận dụng đạo đức Nho giáo để tuyên truyền và giáo dục tinh thần cách mạng cho quần chúng<sup>31</sup>.

Nói đến ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân đối với Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam, trước hết phải nói đến lòng tôn kính, sự khâm phục, trân trọng của Hồ Chí Minh đối với Tôn Trung Sơn. Bắt nguồn từ lòng khâm phục ấy, Hồ Chí Minh đã dày công tìm hiểu và học hỏi tinh thần dân tộc của Tôn Trung Sơn và tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Tam dân do ông khởi xướng.

Ảnh hưởng của tư tưởng Tôn Trung Sơn và cách mạng Trung Quốc đối với Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đã để lại dấu ấn khá sớm từ những bài viết trong những năm 1920 khi ông còn hoạt động cách mạng ở Pháp, như hai bài viết đăng trên Tạp chí *La Revue Communiste*, số 14 và 15-4 và 5-1921, rồi đến loạt bài đăng trên tạp chí này như: “Chính sách thực dân Anh” (1923), “Tình hình ở Trung Quốc” (1923), “Tình cảnh nông dân Trung Quốc” (1924), “Các nước đế quốc chủ nghĩa và Trung Quốc” (1924)... Theo Nguyễn Ái Quốc, Cương lĩnh cách mạng của Tôn Trung Sơn là một

cương lĩnh cải cách. Cương lĩnh đó: “bao gồm những nội dung hết sức tiến bộ: Một là, chống đế quốc và chống quân phiệt một cách rõ rệt; Hai là đoàn kết các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa và giai cấp vô sản quốc tế; Ba là đồng tình với cách mạng Nga”<sup>32</sup>.

Trong bài viết “Các nước đế quốc chủ nghĩa và Trung Quốc” đăng trên Tạp chí *Thư tín quốc tế* số 57, năm 1924, Nguyễn Ái Quốc viết: “Tôn Dật Tiên, “người cha của cách mạng Trung Quốc”, người đứng đầu Chính phủ Quảng Châu, thì luôn luôn trung thành với những nguyên lý của mình, ngay cả trong những lúc khó khăn nhất. Cương lĩnh của đảng ông-Quốc dân Đảng-là một cương lĩnh cải cách. Cương lĩnh đó gồm những điều khoản chống đế quốc và chống quân phiệt một cách rõ rệt. Đảng đó lớn tiếng tuyên bố đoàn kết với các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa và với giai cấp vô sản quốc tế. Đảng đó đồng tình với Cách mạng Nga”<sup>33</sup>.

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu hoạt động cách mạng theo phân công của Quốc tế Cộng sản. Tại đây, ông càng có điều kiện thuận lợi trong việc tìm hiểu về tình hình Trung Quốc và tư tưởng của Tôn Trung Sơn. Lúc này, chủ nghĩa Tam dân đã bước sang giai đoạn mới, mang nhiều nội dung tích cực và cách mạng. “Đọc quảng cáo trên tờ *Quảng Châu nhật báo*, ông tìm đến làm phiên dịch cho ông Bôrôđin, cố vấn chính trị của bác sĩ Tôn Dật Tiên và của Chính phủ Quảng Châu. Ông dịch những tờ báo Trung Quốc ra tiếng Anh. Ông để hết tâm lực nghiên cứu chính trị Trung Quốc. Ba nguyên tắc của bác sĩ Tôn Dật Tiên là: Dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Ông vừa nghiên cứu vừa làm việc để sống”<sup>34</sup>.

Theo nhà nghiên cứu Đặng Thanh Tịnh, trong tất cả các lý luận cách mạng trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy chủ nghĩa Tôn Văn là thích

hợp nhất với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Đây là cái mà Việt Nam cần, đây là cái mà Nguyễn Ái Quốc tìm kiếm. Từ đó về sau, Nguyễn Ái Quốc ngày càng tỏ lòng kính trọng sâu sắc đối với lãnh tụ vĩ đại này của nhân dân Trung Quốc và trở thành người học trò trung thực của Tôn Trung Sơn<sup>35</sup>.

Năm 1925, sau khi thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tại Quảng Châu, Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp huấn luyện và đào tạo thanh niên Việt Nam để đưa về nước tuyên truyền, vận động nhân dân đấu tranh, chuẩn bị về mặt tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng cộng sản.

Một trong những nội dung học tập tại các khóa huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tại Quảng Châu là lịch sử các cuộc cách mạng trên thế giới, trong đó có Cách mạng Nga, Cách mạng Tân Hợi và phong trào cách mạng đang diễn ra ở Trung Quốc với Tam dân chủ nghĩa và Tam đại chính sách. Trong việc học tập, tìm hiểu kinh nghiệm của cách mạng thế giới, Nguyễn Ái Quốc luôn có sự lựa chọn, phê phán, tiếp thu có chọn lọc và vận dụng sáng tạo những mặt tiến bộ của chủ nghĩa Tam dân vào hoàn cảnh lịch sử của Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc coi trọng vấn đề độc lập dân tộc nhưng tùy vào hoàn cảnh, thời gian cụ thể để nhấn mạnh hay đưa nó lên vị trí hàng đầu. Điểm sáng tạo vĩ đại của Nguyễn Ái Quốc trong vấn đề này chính là sự gắn kết giữa tư tưởng độc lập dân tộc với tự do và hạnh phúc của nhân dân, và với CNXH.

Từ thành phố Quảng Châu, ngày 13-11-1926, Nguyễn Ái Quốc đã viết loạt bài nhan đề “Các sự biến ở Trung Quốc của đặc phái viên của chúng tôi” gửi về đăng báo *L'Annam* ở Sài Gòn, trong đó thông báo về những thắng lợi đầu tiên của quân cách mạng Quốc dân trong cuộc Bắc phạt do Tôn Trung Sơn phát động. Nói về tình cảm của nhân dân Trung Quốc đối với Tôn Trung Sơn, Nguyễn



Ái Quốc viết: “Sự nồng nhiệt của nhân dân chúng tôi người Trung Quốc biết ơn dường nào vị lãnh tụ vĩ đại quá cố đã khơi dậy nơi họ ý chí tự giải phóng khỏi ách áp bức về ngoại giao mà bây giờ không gì có thể biện hộ được”<sup>36</sup>.

Tháng 3-1927, cũng từ Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc lại viết bài “Kỷ niệm lần thứ hai ngày Tôn Dật Tiên qua đời” gửi về đăng báo *L’Annam* số 150 (31-3-1927). Bài báo đã đánh giá rất cao công lao vĩ đại của Tôn Trung Sơn đối với Đảng Quốc dân và Nhà nước Trung Hoa Dân quốc.

Cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc về Trung Quốc để chuẩn bị thúc đẩy các điều kiện xây dựng một chính đảng cách mạng, Người đã bàn với các đồng chí của mình rằng: “Chúng ta phải đoàn kết giai cấp, đoàn kết nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Để đạt mục đích ấy phải thống nhất tổ chức. Tổ chức ấy có thể lấy tên Thanh niên cách mạng hoặc là Đảng Cộng sản, nhưng chính cương của nó phải là: 1. Dân tộc độc lập; 2. Nhân dân tự do; 3. Dân chúng hạnh phúc; 4. Tiến tới chủ nghĩa xã hội”<sup>37</sup>. Có thể nhận thấy, trong 4 nội dung trong chính cương theo gợi ý của Nguyễn Ái Quốc thì có đến 3 nội dung mang tư tưởng của chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

Trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, Nguyễn Ái Quốc không chỉ Việt Nam hóa chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn thành dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc mà còn kết hợp một cách tài tình sách lược hai giai đoạn cách mạng của Lênin với chủ nghĩa Tam dân để thảo ra *Chính cương vắn tắt của Đảng* cho Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập vào đầu năm 1930<sup>38</sup>. Hơn nữa, trong cương lĩnh về ruộng đất mà Người nêu ra không mang tính chung chung như chính sách *bình dân địa quyền* của Tôn Trung Sơn mà chỉ ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể để giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân là khẩu hiệu “Người cày có ruộng”, “Tất cả ruộng đất về tay nông dân”,

đây chính là sự cụ thể hóa và là bước phát triển của khẩu hiệu “bình quân địa quyền”.

Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền mới được thành lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lấy ba khái niệm: *Độc lập-Tự do-Hạnh phúc* để đặt tiêu ngữ cho nước Việt Nam mới. Đó chính là ba nguyên tắc lớn của chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, và cũng là mục tiêu cơ bản mà cách mạng Việt Nam cần đạt tới. Ba khái niệm này đã được Hồ Chí Minh rút ra từ chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn và tư tưởng “Tự do-Bình đẳng-Bác ái” của Cách mạng tư sản Pháp năm 1789 và sáng tạo nâng lên một tầm cao mới, đó là tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và tính cách mạng triệt để của một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động.

Bên cạnh việc tiếp thu sáng tạo những nội dung của chủ nghĩa Tam dân, Hồ Chí Minh còn chú trọng nghiên cứu các phương pháp cách mạng của Tôn Trung Sơn, đáng chú ý đó là phương pháp vận dụng đạo đức Nho giáo để tuyên truyền và giáo dục tinh thần cách mạng cho quần chúng. Hồ Chí Minh đã lý giải tư tưởng Nho giáo “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” một cách giản dị và dễ hiểu với xã hội Việt Nam. Tôn Trung Sơn nói và làm từ nội tại cá nhân mình rồi mới phát triển ra toàn thiên hạ, còn Hồ Chí Minh thì lấy cả cuộc sống mẫu mực trong đời thường của mình để làm gương cho quần chúng<sup>39</sup>.

Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập (1945), tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng tới tư duy chính trị Hồ Chí Minh trong việc xây dựng và phát triển đất nước.

Trong kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (9-11-1946), Hồ Chí Minh đã nói: “Chính phủ cố gắng làm theo

đúng ba chính sách: Dân sinh, Dân quyền và Dân tộc”<sup>40</sup>. Điều này cho thấy rõ nội dung dân tộc, dân quyền và dân sinh đã hóa thân vào thực tiễn, trở thành mục tiêu xây dựng đất nước của Chính phủ Hồ Chí Minh.

Tiếp đó, trong *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* (11-6-1948), Hồ Chí Minh đã coi sự nghiệp cách mạng của Việt Nam cần quyết tâm hoàn thành là “Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc” để “Toàn dân đủ ăn, đủ mặc; Toàn dân biết đọc, biết viết; Toàn bộ đội đầy đủ lương thực, khí giới để giết giặc ngoại xâm; Toàn quốc sẽ thống nhất độc lập hoàn toàn. Thế là chúng ta thực hiện: Dân tộc độc lập; Dân quyền tự do; Dân sinh hạnh phúc. Ba chủ nghĩa mà nhà đại cách mạng Tôn Văn đã nêu ra”<sup>41</sup>. Đây là sự tiếp thu và vận dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh giữa những nguyên tắc của chủ nghĩa Tam dân với thực tiễn của cách mạng Việt Nam lúc đó, nhằm xác định phương hướng, mục tiêu cần đạt tới của sự nghiệp kháng chiến chống Pháp và xây dựng đất nước.

Ảnh hưởng Tôn Trung Sơn đối với cách mạng Việt Nam không chỉ biểu hiện bằng những chuyến viếng thăm, những lần trú ngụ, những năm tháng tuyên truyền, hoạt động của ông từ Nam đến Bắc; mà còn in đậm trong tư tưởng chính trị, cơ cấu tổ chức và phương hướng hoạt động của các tổ chức yêu nước của Việt Nam mà tiêu biểu nhất là VNQPH và VNQDD. Nhiều nhà cách mạng Việt Nam, từ Phan Bội Châu đến lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đều hết sức kính trọng và yêu mến Tôn Trung Sơn không chỉ vì ông là nhà cách mạng vĩ đại của nước Trung Quốc anh em, mà còn vì chủ nghĩa Tam dân do ông đề xuất “có nhiều điểm thích hợp” với điều kiện Việt Nam. Sinh thời chính Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng hết lòng mong muốn và nguyện “cố gắng làm người học trò nhỏ”<sup>42</sup> của Tôn Trung Sơn cũng như của Các Mác, V.I.Lênin trên con đường đấu tranh vì

Độc lập, Tự do và Hạnh phúc của dân tộc và nhân dân Việt Nam.

Thông qua các hoạt động tại Việt Nam, trong nửa đầu thế kỷ XX, Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân do ông đề xướng đã có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành và xác lập đường lối chính trị của các tổ chức yêu nước Việt Nam từ VNQPH đến VNQDD. Chịu tác động của chủ nghĩa Tam dân, nhất là tư tưởng Tam dân mới của Tôn Trung Sơn, từ giữa thập niên 1920, các nhà cách mạng Việt Nam tiêu biểu là Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đã có những nhận thức cụ thể và sát hợp về tính chất và con đường phát triển của cách mạng Việt Nam; về vai trò của cách mạng Trung Quốc cũng như mối quan hệ giữa cách mạng Trung Quốc với phong trào cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân phương Tây vì nền Độc lập dân tộc, vì Tự do và Hạnh phúc của nhân dân hai nước Việt-Trung.

1, 3. Xem Dương Trung Quốc: “Tôn Trung Sơn ở Hàng Buồm”, vietnamnet.vn, 19-7-2005. Theo Dương Trung Quốc, Tôn Trung Sơn đã có 5 lần đến Việt Nam

2, 11, 12, 26. Xem Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Thị Hương, Chương Thu: *Tôn Trung Sơn với Việt Nam*, Nxb Giáo dục, H, 2013, tr.113, 163-167, 149, 12

4, 5, 8. Xem Nguyễn Thị Hương: “Về sáu lần Tôn Trung Sơn đến Việt Nam hoạt động cách mạng”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 5-2011, tr. 53, 54, 55

6, 25. Xem Tôn Trung Sơn: *Chủ nghĩa Tam dân*, Nxb Viện Thông tin khoa học, H, 1995, tr. 33, 50-51 và 189

7. Xem Nguyễn Thị Hương: “Nhìn lại một số “trung tâm cách mạng” do Tôn Trung Sơn xây dựng ở Đông Nam Á”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 3-2016, tr. 43

9. Xem Danny Wong Tze-ken (1934-1995): “The Contribution of Vietnamese Chinese to the 1911 Revolution in China”, *Journal of the Department of History, University of Malaya*, số 3, 1994-1995, tr. 129-150 và Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Thị Hương, *Chương Thâu: Tôn Trung Sơn với Việt Nam*, Nxb Giáo dục, H, 2013, tr. 119

10. Xem Nguyễn Thị Hương: “Sự tham gia của người Hoa và Hoa kiều ở Việt Nam vào các cuộc khởi nghĩa do Tôn Trung Sơn phát động ở biên giới Trung-Việt (1907-1908)”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 10-2011, tr. 42

13. Xem Nguyễn Thị Hương: “Hoạt động của Tôn Trung Sơn và đảng của ông trong người Hoa và Hoa kiều ở Việt Nam đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Lịch sử quân sự*, số 2-2014, tr.33

14, 16. Xem Chương Thâu: *Phan Bội Châu (1867-1940) nhà yêu nước nhà văn hóa lớn*, Nxb Văn hóa Thông tin, H, 2012, tr. 45, 45

15, 32. Xem Trung Tâm Khoa học Xã hội nhân văn Quốc gia, Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc: *Cách mạng Tân Hợi-90 năm sau nhìn lại*, Nxb Khoa học xã hội, H, 2002, tr. 228, 279

17. Xem Nguyễn Văn Khánh: *The Vietnam Nationalist Party (1927-1954)*, Nxb, Singapore, 2016, tr.25-26

18, 19, 20, 21, 22, 23. Xem Trần Huy Liệu, Văn Tạo: *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng Việt Nam cận đại* (in lần 2), Nxb Văn-Sử-Địa, H, 1958, TV, tr. 31, 32, 32-33, 49 và 93, 113, 121-122

24. Trần Huy Liệu, Văn Tạo: *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng Việt Nam cận đại*, Nxb Văn-Sử-Địa, H, 1958, tr. 55. Sau khi khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ và bị đàn áp, các đảng viên VNQDD bị bắt ở tù và nhiều lần thảo luận rất gay gắt xung quanh vấn đề chủ nghĩa của

đảng. Những người bị bắt trước tháng 2-1929 chỉ biết bản Điều lệ và Chương trình hành động đầu tiên. Còn số đảng viên bị bắt ngay trước và sau cuộc bạo động Yên Bái lại chỉ thừa nhận chủ nghĩa Tam dân

27. Xem Dương Thành Lợi: *Triết lý Quốc trị Đông phương*, H, 1996, tr. 341-367

28. Về điểm này, tờ thực dân *La Revue Française annamite*, số ngày 4-8-1929 đã viết: “Nếu chương trình của Việt Nam Quốc dân Đảng mà bỏ hết các lời hùng hồn của đảng cách mạng Tàu nó làm cho có vẻ to tát thì người ta sẽ chỉ thấy có một câu là: “Hỡi người Pháp, nên bước đi ngay, khi đã xong việc thì sau làm gì, các người trong đảng không để ý tới vì chương trình xã hội và chương trình chính trị họ đều không có gì cả”. Dẫn theo Quốc Anh: “Tìm hiểu mối quan hệ giữa khuynh hướng tiểu tư sản yêu nước với phong trào công nhân”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 160, 2-1975

29. Xem Tôn Trung Sơn: *Chủ nghĩa Tam dân*, Nxb Viện Thông tin khoa học, H, 1995, tr. 50 và Dương Thành Lợi: *Triết lý Quốc trị Đông phương*, Nxb Làng Văn, H, 1996, tr. 341 và 367

30. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh lãnh tụ của chúng ta*, Nxb ST, H, 1969, tr. 20

31, 38, 39. Xem Lê Thị Tinh: “Ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân đối với Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 8-2015, tr. 64-65, 68, 70

33. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.1, tr. 343

34, 37. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb CTQG, H, 1995, tr.71, 75

35. Xem Đặng Thanh Tịnh: “Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 6-1993, tr. 17

37. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.2, tr. 525

40, 41. *Sđd*, T.5, tr. 557, 557

42. *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Nxb Lao động, H, 2000, tr. 870.